TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2024/DS-ST
Ngày: 15-8-2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự góp hụi và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 08/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024, Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử số: 06/2024/TB-MPT ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị T, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp CN, xã H, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: - Anh Tống Văn D, sinh năm 1970 (vắng mặt);

- Chị Thị T1, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp X1, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 16/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày và yêu cầu như sau*:

Vào ngày 15 tháng 02 năm 2021 âm lịch, cần tiền mua lúa giống, anh Tống Văn D và chị Thị T1 nhờ chị hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 29 tháng 9 năm 2021 âm lịch, cần tiền đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh Tống Văn D và chị Thị T1 nhờ chị hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 02/01/2022 âm lịch, cần tiền đóng lãi Ngân hàng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 nhờ chị hỏi vay thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng 03 lần vay số tiền là: 25.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 60.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ tháng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 đã trả đến ngày 10 tháng 02 năm 2022 âm lịch. Số tiền vay 25.000.000 đồng là do chị hỏi vay của bà Nguyễn Thị T2 để cho anh Tống Văn D và chị Thị T1 vay lại, việc vay nhận nợ sau này có ký nhận nợ với nhau. Hiện nay, chị đã trả cho bà Nguyễn Thị T2 xong số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận (có giấy xác nhận về việc cho mượn tiền và trả tiền lập ngày 15/8/2023 giữa chị và bà Nguyễn Thị T2). Tuy nhiên, đến nay anh Tống Văn D và chị Thị T1 chưa trả lại cho chị số tiền vay còn nợ là 25.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11/02/2022 âm lịch cho đến nay 25 tháng với số tiền là 9.375.000 đồng (25.000.000đồng x 1,5% x 25 tháng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Ngoài ra, vào năm 2019 anh Tống Văn D và chị Thị T1 làm chủ hụi, chị tham gia góp như sau: Dây hụi mở ngày 30/12/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 30 phần, mở 01 lần vào ngày 30 hàng tháng, chị có tham gia chơi 01 phần và mua 01 phần. Phần thứ nhất, chị góp hụi sống được 28 lần với số tiền là 28.000.000 đồng, đến lần thứ 29 thì anh Tống Văn D, chị Thị T1 bỏ đi không không góp nữa, dây hụi này mãn ngày 30/4/2022 âm lịch, theo hụi được lĩnh là 28.000.000 đồng (28 lần x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 trả cho chị là 27.500.000 đồng. Phần thứ hai hụi mua, góp hụi được 28 lần chị hốt hụi vào ngày 30/02/2022 âm lịch, giá kêu hụi là 550.000 đồng, theo được lĩnh số tiền là 27.900.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, trừ 02 lần hụi chết là 2.000.000 đồng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn phải trả cho chị là 25.400.000 đồng nhưng anh Tống Văn D và chị Thị T1 giao cho chị nhận là 5.100.000 đồng, còn nợ lại chị số tiền 20.300.000 đồng. Tổng dây hụi này anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn nợ chị là 47.800.000 đồng; Dây hụi mở ngày 20/04/2020 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 27 phần, xổ 01 lần vào ngày 02 hàng tháng, chị tham gia góp 01 phần và chị mua 01 phần. Phần thứ nhất, chị góp hụi sống được 24 lần với số tiền hụi sống 24.000.000 đồng, đến lần thứ 25 thì ông Tống Văn D, bà Thị T1 bỏ đi

không góp nữa, hụi mãn ngày 20/6/2022 âm lịch, hụi được lĩnh là 24.000.000 (24 lần x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn phải trả cho chị số tiền là 23.500.000 đồng. Phần thứ hai hụi mua, chị góp được 27 lần hụi sống với số tiền là 27.000.000 đồng, hụi được lĩnh là 27.000.000 đồng (27 lần x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn phải trả cho chị là 26.500.000 đồng. Tổng dây hụi này anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn nợ chị số tiền là 50.000.000 đồng; Dây hụi mở ngày 15/5/2020 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 26 phần, xổ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, chị có tham gia góp 01 phần, góp được 22 lần với số tiền hụi sống 22.000.000 đồng, đến lần thứ 23 thì anh Tống Văn D và chị Thị T1 bỏ đi không góp nữa, mãn hụi ngày 15/6/2022 âm lịch, theo hụi được lĩnh số tiền là 22.000.000 đồng (22 lần x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn phải trả cho chị là 21.500.000 đồng; Dây hụi mở ngày 10/8/2020 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 24 phần, xổ 01 lần vào ngày 10 hàng tháng. Dây hụi này chị tham gia góp 01 phần và chị mua 01 phần: Phần thứ nhất, chị góp hụi sống được 19 lần với số tiền là 19.000.000 đồng, đến lần thứ 20 thì anh Tống Văn D và chị Thị T1 bỏ đi không góp nữa, mãn hụi ngày 10/7/2022 âm lịch, theo hụi được lĩnh là 19.000.000 đồng (19 lần x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn phải trả cho chị là 18.500.000 đồng. Phần thứ hai hụi mua, góp được 24 lần với số tiền hụi sống là 24.000.000 đồng, theo hụi được lĩnh là 24.000.000 đồng (24 lần x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn phải trả cho chị là 23.500.000 đồng. Dây hụi này anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn nợ chị số tiền là 42.000.000 đồng; Dây ngày 25/11/2020, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 26 phần, xổ 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, chị mua 02 phần góp được 26 lần với số tiền hui sống là 52.000.000 đồng, theo hụi được lĩnh 52.000.000 đồng (26 lần x 1.000.000 đồng x 02 phần), trừ tiền hoa hồng 02 phần hụi 1.000.000 đồng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn phải trả chị số tiền là 51.000.000 đồng, hụi mãn ngày 25/12/2022 âm lịch; Dây ngày 05/3/2021 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 27 phần, xổ 01 lần vào ngày 05 hàng tháng, chị tham gia 01 phần và chị mua 02 phần: Phần thứ nhất, chị góp hụi sống được 13 lần với số tiền là 13.000.000 đồng, đến lần thứ 14 thì anh Tống Văn D và chị Thị T1 bỏ đi không góp nữa, mãn hụi ngày 05/5/2023 âm lịch, theo hụi được lĩnh là 13.000.000 đồng (13 lần x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn phải trả cho chị là 12.500.000 đồng. Phần thứ hai, chị mua 02 phần góp được 27 lần với số tiền hụi sống là 54.000.000 đồng,

theo hụi được lĩnh là 27.000.000 đồng (27 lần x 1.000.000 đồng x 02 phần), trừ tiền hoa hồng của 02 phần hụi là 1.000.000 đồng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn phải trả cho chị là 53.000.000 đồng. Dây hụi này anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn nợ chị số tiền là 65.500.000 đồng; Dây hụi mở ngày 20/5/2021 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi có 25 phần, xổ 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, dây hụi này chị tham gia 01 phần và chị mua 01 phần, hụi mãn ngày 20/5/2023: Phần thứ nhất, chị góp hụi sống được 10 lần với số tiền là 10.000.000 đồng, đến lần thứ 11 thì anh Tống Văn D, chị Thị T1 bỏ đi không góp nữa, theo hụi được lĩnh là 10.000.000 đồng (10 lần x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn phải trả cho chị là 9.500.000 đồng. Phần thứ hai hụi mua, góp được 25 lần với số tiền hụi sống là 25.000.000 đồng, theo hụi được lĩnh là 25.000.000 đồng (25 lần x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn phải trả cho chị là 24.500.000 đồng. Dây hụi này anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn nợ chị số tiền là 34.000.000 đồng; Dây ngày 30/9/2021 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi có 25 phần, tháng xổ 01 lần ngày 30 hàng tháng, dây hụi này mua 02 phần góp được 25 lần với số tiền hụi sống là 50.000.000 đồng, theo hụi được lĩnh là 50.000.000 đồng (25 lần x 1.000.000 đồng x 02 phần), trừ tiền hoa hồng của 02 phần hụi là 1.000.000 đồng, anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn phải trả cho chị là 49.000.000 đồng, hụi mãn ngày 30/9/2023 âm lịch; Dây hụi mở ngày 25/11/2021 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 25 phần, xổ 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, chị tham gia 01 phần, góp hụi sống được 04 lần với số tiền là 4.000.000 đồng, dây hụi này anh Tống Văn D và chị Thị T1 còn phải trả cho chị là 4.000.000 đồng. Tổng tiền nợ hụi anh Tống Văn D và chị Thị T1 chị số tiền là 364.800.000 đồng. Sau đó hai bên đã đối chiếu nợ, anh Tống Văn D và chị Thị T1 ghi biên nhận nợ chị số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng và tiền hụi là 372.300.000 đồng nhưng chưa trừ tiền hoa hồng 7.500.000 đồng. Trong tờ cam (cấm) kết do chị viết một bên, còn một bên do chị T1 viết và ghi tên T1, viết tại nhà chị có sự chứng kiến của cháu chị T1 tên P, hiện nay chị P đã lập gia đình, ở đâu chị không rõ. Nay chị yêu cầu anh Tống Văn D và chị Thị T1 trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 364.800.000 đồng và tiền vay tài sản vốn gốc là 25.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 10/02/2022 âm lịch cho đến nay 25 tháng với số tiền lãi là 9.375.000 đồng (25.000.000 đồng x lãi suất 1,5%/ tháng x 25 tháng) và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, bị đơn anh Tống Văn D trình bày như sau*:

Anh và chị Thị T1 là vợ chồng, thời gian sinh sống tại ấp X1, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang thì vợ anh là chị Thị T1 có tổ chức góp hụi hay tham gia góp hụi anh không rõ, anh chỉ biết chị Lý Thị T có tham gia góp hụi với vợ anh là chị Thị T1 và chị Thị T1 có nợ tiền của chị Lý Thị T một số tiền, nhưng cụ thể bao nhiêu anh không biết rõ, chữ viết trong tờ cam kết ghi tên T1 là chữ viết của vợ anh. Khi đó ai có gửi tiền hụi cho chị Thị T1 thì anh có nhận giùm và đưa lại cho chị Thị T1, anh không tham gia góp hụi cùng chị Thị T1 và anh không biết gì. Hiện nay anh đang đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, không có địa chỉ cụ thể, do anh đi làm nhiều nơi, anh và chị Thị T1 đã sống ly thân, anh không biết chị Thị T1 đang sinh sống ở đâu, trước tết chị Thị T1 ở nhà tại ấp X1, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

** Tại Biên bản xác minh ngày 11 tháng 12 năm 2023 và ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang như sau*:

Anh Tống Văn D, sinh năm 1970 và chị Thị T1, sinh năm 1970, cư trú tại: ấp X1, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang hiện nay đi làm ăn thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng mới về. Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1999, cư trú tại: ấp X1, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang hiện nay đi lấy chồng không còn ở tại ấp X1, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, hiện nay không rõ chị Trần Thị Kim P làm gì và đang ở đâu.

** Bị đơn chị Thị T1*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Tống Văn D và chị Thị T1 biết và ấn định thời gian để anh Tống Văn D và chị Thị T1 có ý kiến về việc chị Lý Thị T khởi kiện yêu cầu anh chị trả tiền hụi và tiền vay nhưng anh Tống Văn D và chị Thị T1 không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: 02 Căn cước công dân Lý Thị T và Nguyễn Thị T2 (Bản sao); 07 danh sách tham gia góp hụi, chủ hụi D (04 bản chính, 04 bản phô tô); Tờ cam kết ngày 16/4/2022 AL của chị Thị T1 (Bản chính); 01 tờ giấy có nội dung ghi đối chiếu hụi cũ (Bản chính); Giấy xác nhận ngày 15/8/2023 của bà Nguyễn Thị T2 (Bản chính); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của người bị kiện năm 2023 của chị Lý Thị T (Bản chính); 02 Biên bản xác minh ngày 11 tháng 12 năm 2023 và ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Lý Thị T yêu cầu chị Thị T1 trả cho chị số tiền hụi là 364.800.000 đồng và tiền vay vốn gốc là 25.000.000 đồng, tổng số tiền là 389.800.000 đồng. Chị rút lại yêu cầu khởi kiện đối với anh Tống Văn D và rút lại số tiền lãi tiền vay 11.250.000 đồng (Tính từ ngày 10/02/2022 âm lịch đến nay ngày 12/7/2024 âm lịch, tính tròn là 30 tháng x lãi suất 1,5%/ tháng), ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Tống Văn D và chị Thị T1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng dân sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lý Thị T thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Tống Văn D và chị Thị T1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của chị Lý Thị T yêu cầu chị Thị T1 trả cho chị số tiền hụi là 364.800.000 đồng và tiền vay vốn gốc là 25.000.000 đồng, tổng số tiền là 389.800.000 đồng là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật dân sự. Chị Lý Thị T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với anh Tống Văn D và rút lại số tiền lãi tiền vay 11.250.000 đồng đề nghị đình chỉ xét xử theo quy định khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lý Thị T yêu cầu bị đơn anh Tống Văn D và chị Thị T1 trả tiền vay và tiền hụi còn nợ. Bị đơn anh Tống Văn D và chị Thị T1 cư trú tại: ấp X1, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Tống Văn D và chị Thị T1 biết và ấn định thời gian để anh chị có ý kiến về việc chị Lý Thị T khởi kiện yêu cầu anh Tống Văn D và chị Thị T1 trả tiền hụi và tiền vay còn nợ nhưng anh chị không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Tống Văn D và chị Thị T1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo về việc mở phiên tòa xét xử cho anh Tống Văn D và chị Thị T1 nhưng anh chị vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai chị Lý Thị T không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Tống Văn D và chị Thị T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng góp hụi giữa chị Lý Thị T và anh Tống Văn D, chị Thị T1 xác lập các ngày 30/12/2019 âm lịch, ngày 20/04/2020 âm lịch, ngày 15/5/2020 âm lịch, ngày 10/8/2020 âm lịch, ngày 25/11/2020 âm lịch, ngày 05/3/2021 âm lịch, ngày 20/5/2021 âm lịch, ngày 30/9/2021 âm lịch và ngày 25/11/2021 âm lịch bằng lời nói, hụi có lãi và có hoa hồng, không thỏa thuận bằng văn bản, không công chứng, chứng thực sổ hụi, không ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân; ngày tháng năm sinh, lãi suất trong họ có lãi; quyền và nghĩa vụ của chủ họ là thực hiện chưa đúng hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường, nay xảy ra tranh chấp, yêu cầu giải quyết, được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường. Đồng thời, chị Lý Thị T và anh Tống Văn D, chị Thị T1 xác lập hợp đồng vay tài sản các ngày 15 tháng 02 năm 2021 âm lịch, ngày 29 tháng 9 năm 2021 âm lịch và ngày 02/01/2022 âm lịch không làm văn bản giấy tờ, sau đó ghi tờ cam kết trả nợ, ghi rõ số tiền nợ hụi và số tiền vay là phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Xét khởi kiện của chị Lý Thị T yêu cầu anh Tống Văn D và chị Thị T1 trả cho chị tiền hụi tổng 09 dây hụi 16 phần theo hụi được lĩnh là 364.800.000 đồng và 25.000.000 đồng tiền vay vốn gốc, 11.250.000 đồng lãi tiền vay (Tính từ ngày

10/02/2022 âm lịch đến nay ngày 12/7/2024 âm lịch, tính tròn là 30 tháng x lãi suất 1,5%/ tháng). Hội đồng xét xử thấy rằng, trình bày và yêu cầu của chị Lý Thị T và anh Tống Văn D phù hợp với tờ cam kết ngày 16/4/2022 âm lịch của chị Thị T1 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời chị Thị T1 không có ý kiến yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T là có thật và thuộc trường hợp chị Thị T1 thừa nhận hoặc không phản đối yêu cầu của chị Lý Thị T đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi chị Thị T1 ghi tờ cam kết trả nợ ngày 16/4/2022 âm lịch thì chị Thị T1 xác định còn nợ chị Lý Thị T 372.300.000 đồng tiền hụi, 25.000.000 đồng tiền vay vốn gốc, chị Thị T1 hẹn đến ngày 20/11/2022 âm lịch trả cho chị Lý Thị T mỗi tháng 6.000.000 đồng nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị Lý Thị T khởi kiện yêu cầu chị Thị T1 trả số tiền hụi và tiền vay còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

Xét ý kiến trình bày của anh Tống Văn D, anh xác định anh và chị Thị T1 là vợ chồng, thời gian sinh sống tại ấp X1, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang thì vợ anh là chị Thị T1 có tổ chức góp hụi nhưng anh không biết cụ thể, anh chỉ biết chị Lý Thị T có tham gia góp hụi với chị Thị T1 khi đó chị Thị T1 có nợ chị Lý Thị T một số tiền, nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu anh cũng không biết, cũng thời gian này có ai góp tiền hụi cho chị Thị T1 thì anh nhận giùm và đưa lại cho chị Thị T1, anh không tham gia góp hụi cùng. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại 08 danh sách hụi đều ghi chủ hụi D, đồng thời chị Thị T1 tham gia góp hụi, có hụi viên góp hụi thì anh Tống Văn D nhận và gửi lại cho chị Thị T1 là anh cùng tham gia góp hụi với chị Thị T1, mặc dù anh không là người trực tiếp đối chiếu nợ. Ngoài ra, anh Tống Văn D và chị Thị T1 không ai giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh anh chị đã trả tiền hụi và tiền vay vốn gốc, tiền lãi cho chị Lý Thị T nên không có cơ sở xem xét ý kiến trình bày, khai nại của anh Tống Văn D.

Tại phiên tòa, chị Lý Thị T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với anh Tống Văn D và rút lại số tiền lãi tiền vay 11.250.000 đồng nêu trên nên đình chỉ xét xử phần chị Lý Thị T rút yêu cầu khởi kiện, buộc chị Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Lý Thị T số tiền hụi là 364.800.000 đồng và tiền vay vốn gốc là 25.000.000 đồng, tổng số tiền là 389.800.000 đồng.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T. Buộc chị Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Lý Thị T số tiền hụi là 364.800.000 đồng và tiền vay vốn gốc là 25.000.000 đồng,

tổng số tiền là 389.800.000 đồng theo quy định tại Điều 466, khoản 1 Điều 469 và Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 3, khoản 4 Điều 18, khoản 1 Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Đình chỉ xét xử phần chị Lý Thị T rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Tống Văn D và rút lại số tiền lãi tiền vay là 11.250.000 đồng nêu trên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 206, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469 và Điều 471 của Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, khoản 3, khoản 4 Điều 18, khoản 1 Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T. Buộc chị Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Lý Thị T số tiền hụi là 364.800.000 đồng và tiền vay vốn gốc là 25.000.000 đồng, tổng số tiền là 389.800.000 đồng (Ba trăm tám mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được

thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử phần chị Lý Thị T rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Tống Văn D và rút lại số tiền lãi tiền vay là 11.250.000 đồng nêu trên.

3. Về án phí: Buộc chị Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.490.000 đồng (389.800.000 đồng x 5%).

Chị Lý Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Lý Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.932.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009048 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 15/8/2024. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo